

Số: ~~44~~ /TTr-UBND

Hà Nội, ngày 13 tháng 8 năm 2021

TỜ TRÌNH

**Về việc Quy định chính sách hỗ trợ trang bị cơ sở vật chất đối với
cơ sở giáo dục mầm non độc lập thuộc loại hình dân lập, tư thực
ở địa bàn có khu công nghiệp của thành phố Hà Nội**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính
phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước 2015;

Căn cứ Nghị định số 84/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2020 của Chính
phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục;

Căn cứ Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 9 năm 2020 của
Chính phủ quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non (Nghị định số
105/2020/NĐ-CP).

Căn cứ Văn bản hợp nhất số 06/VBHN-BGDĐT ngày 18/6/2018 của Bộ Giáo
dục và Đào tạo ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động trường mầm non tư thực.

Căn cứ Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ Giáo
dục và Đào tạo ban hành Điều lệ Trường mầm non.

Ủy ban nhân dân Thành phố báo cáo Hội đồng nhân dân Thành phố thông
qua Nghị quyết Quy định chính sách hỗ trợ trang bị cơ sở vật chất đối với cơ sở
giáo dục mầm non độc lập thuộc loại hình dân lập, tư thực ở địa bàn có khu công
nghiệp (KCN) của thành phố Hà Nội, cụ thể như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN

Nghị định số 105/2020/NĐ-CP quy định chính sách phát triển giáo dục
mầm non đã quy định về chính sách đối với cơ sở giáo dục mầm non độc lập
dân lập, tư thực ở địa bàn có KCN, nơi có nhiều lao động. Trong đó có nội dung
quy định mức tối thiểu hỗ trợ trang bị cơ sở vật chất 01 lần, bao gồm: trang bị
đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học theo danh mục quy định của Bộ Giáo dục và
Đào tạo và hỗ trợ kinh phí sửa chữa cơ sở vật chất để phục vụ trực tiếp cho việc

chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ em; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng kế hoạch, phương án hỗ trợ, phương án kiểm tra việc hỗ trợ và sử dụng kinh phí cho các cơ sở giáo dục mầm non độc lập trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phê duyệt để tổ chức thực hiện.

Để có căn cứ triển khai thực hiện, cần thiết ban hành quy định mức hỗ trợ cụ thể; phê duyệt kế hoạch, phương án hỗ trợ, phương án kiểm tra việc hỗ trợ và sử dụng kinh phí cho các cơ sở giáo dục mầm non độc lập thuộc loại hình dân lập, tư thục ở địa bàn có KCN của thành phố Hà Nội.

II. KHÁI QUÁT THỰC TRẠNG VỀ GIÁO DỤC MẦM NON Ở ĐỊA BÀN CÓ KCN CỦA THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Năm học 2020-2021, trên địa bàn thành phố Hà Nội có 1.145 cơ sở giáo dục mầm non với 525.395 trẻ em theo học, trong đó có 793 cơ sở giáo dục công lập với 367.075 trẻ em và 352 cơ sở giáo dục dân lập, tư thục với 158.320 trẻ em (chiếm tỷ lệ 30,1% tổng số trẻ em theo học).

Hiện nay, Thành phố Hà Nội có 09 KCN nằm trên địa bàn 08 quận, huyện với khoảng 160 nghìn lao động, trong đó có gần 159 nghìn lao động người Việt Nam. Khoảng trên 50% số lao động là người ở các tỉnh khác về làm việc và tạm trú tại thành phố Hà Nội. Cụ thể: KCN Thăng Long (huyện Đông Anh), KCN Nội Bài (huyện Sóc Sơn), KCN Đài Tư và Sài Đồng B (quận Long Biên), KCN Nam Thăng Long (quận Bắc Từ Liêm), KCN Phú Nghĩa (huyện Chương Mỹ), KCN Thạch Thất - Quốc Oai (huyện Thạch Thất và Quốc Oai), KCN Quang Minh 1 và Quang Minh 2 (huyện Mê Linh).

Theo báo cáo tại thời điểm tháng 5 năm 2021, trên địa bàn Thành phố có 138 cơ sở giáo dục mầm non độc lập thuộc loại hình dân lập, tư thục có từ 30% trẻ em là con công nhân, người lao động làm việc tại các KCN là đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ trang bị cơ sở vật chất¹.

Qua khảo sát thực tế tại một số cơ sở giáo dục mầm non độc lập là đối tượng hưởng chính sách cho thấy:

- Về cơ sở vật chất: Đa số các cơ sở giáo dục thuê địa điểm nhà dân để tổ chức hoạt động giáo dục, chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ vì vậy các cơ sở giáo dục đều phải sửa chữa, cải tạo để phù hợp với trẻ mầm non. Trong những năm qua các cơ sở giáo dục đã sử dụng từ nguồn thu huy động của cha mẹ học sinh để sửa chữa địa điểm, nâng cấp cơ sở vật chất phục vụ việc chăm sóc và nuôi dạy trẻ với tổng kinh phí khoảng 41.948 triệu đồng.

- Về đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học theo danh mục quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo: Các cơ sở giáo dục mầm non đã đầu tư kinh phí mua sắm cơ bản

¹ 138 cơ sở giáo dục mầm non độc lập thuộc loại hình dân lập tư thục (chiếm tỷ lệ 12,1% tổng số cơ sở giáo dục mầm non toàn Thành phố) gồm 435 nhóm, lớp; với 6.882 trẻ (chiếm tỷ lệ 1,3% tổng số trẻ mầm non toàn Thành phố) trong đó có 4.256 trẻ em là con công nhân, người lao động làm việc tại các KCN (chiếm tỷ lệ 0,8% tổng số trẻ mầm non toàn Thành phố).

đầy đủ đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học đảm bảo điều kiện khi cấp phép thành lập và hàng năm tiếp tục bổ sung, mua sắm mới với tổng kinh phí khoảng 28.649 triệu đồng. Tuy nhiên trong quá trình sử dụng, đồ dùng thiết bị dạy học bị tiêu hao, hư hỏng cần được mua sắm, thay thế để đảm bảo chất lượng dạy học.

III. NỘI DUNG ĐỀ XUẤT CHÍNH SÁCH

1. Quy định của Trung ương về chính sách hỗ trợ trang bị cơ sở vật chất đối với cơ sở giáo dục mầm non độc lập thuộc loại hình dân lập, tư thục ở địa bàn có KCN

Điều 2 Nghị định số 105/2020/NĐ-CP quy định:

"1. Cơ sở giáo dục mầm non ở địa bàn có khu công nghiệp: là cơ sở giáo dục mầm non thuộc địa bàn cấp huyện, nơi có khu công nghiệp đã được cơ quan có thẩm quyền cấp phép thành lập theo quy định của pháp luật về khu công nghiệp, có chăm sóc, giáo dục trẻ em là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp."

2. Cơ sở giáo dục mầm non độc lập là cơ sở giáo dục khác trong hệ thống giáo dục quốc dân, bao gồm: nhóm trẻ độc lập, lớp mẫu giáo độc lập, lớp mầm non độc lập đã được cấp phép thành lập theo quy định của pháp luật."

Điều 5 Nghị định số 105/2020/NĐ-CP quy định:

"1. Đối tượng hưởng chính sách: Cơ sở giáo dục mầm non độc lập ở địa bàn có khu công nghiệp thuộc loại hình dân lập, tư thục đã được cấp có thẩm quyền cấp phép thành lập theo đúng quy định có từ 30% trẻ em là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp."

2. Nội dung chính sách: Đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này được hỗ trợ trang bị cơ sở vật chất 01 lần, bao gồm: trang bị đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học theo danh mục quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và hỗ trợ kinh phí sửa chữa cơ sở vật chất để phục vụ trực tiếp cho việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ em. Mức hỗ trợ tối thiểu là 20 (hai mươi) triệu đồng/cơ sở giáo dục mầm non độc lập."

3. Phương thức thực hiện: Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều này, căn cứ khả năng ngân sách địa phương và số lượng cơ sở giáo dục mầm non độc lập trên địa bàn thuộc diện được hỗ trợ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng kế hoạch, phương án hỗ trợ, phương án kiểm tra việc hỗ trợ và sử dụng kinh phí cho các cơ sở giáo dục mầm non độc lập trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phê duyệt để tổ chức thực hiện, bảo đảm việc hỗ trợ cho các cơ sở giáo dục mầm non độc lập hoàn thành trước ngày 30 tháng 6 hằng năm."

2. Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Quy chế tổ chức và hoạt động trường mầm non tư thục, Điều lệ trường mầm non

Khoản 3 Điều 14 Văn bản hợp nhất số 06/VBHN-BGDĐT ngày 18/6/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định: *"Số trẻ em trong nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập tư thục không quá 70 (bảy mươi) trẻ. Trẻ em trong mỗi nhóm trẻ, lớp*

mẫu giáo được tổ chức theo độ tuổi và số lượng theo quy định tại Điều lệ trường mầm non".

Khoản 1, khoản 2 Điều 15 Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định:

"1. Trẻ em được tổ chức theo nhóm trẻ hoặc lớp mẫu giáo.

a) Đối với nhóm trẻ: trẻ em từ 03 tháng tuổi đến 36 tháng tuổi được tổ chức thành các nhóm trẻ. Số lượng trẻ em tối đa trong một nhóm trẻ được quy định như sau:

- Nhóm trẻ từ 03 đến 12 tháng tuổi: 15 trẻ em;

- Nhóm trẻ từ 13 đến 24 tháng tuổi: 20 trẻ em;

- Nhóm trẻ từ 25 đến 36 tháng tuổi: 25 trẻ em;

b) Đối với lớp mẫu giáo: Trẻ em từ 03 tuổi đến 06 tuổi được tổ chức thành các lớp mẫu giáo, số lượng trẻ em tối đa trong một lớp mẫu giáo được quy định như sau:

- Lớp mẫu giáo 3-4 tuổi: 25 trẻ em;

- Lớp mẫu giáo 4-5 tuổi: 30 trẻ em;

- Lớp mẫu giáo 5-6 tuổi: 35 trẻ em.

2. Nếu số lượng trẻ em trong mỗi nhóm trẻ, lớp mẫu giáo không đủ 50% so với số trẻ tối đa được quy định tại điểm a và điểm b, khoản 1 của Điều này thì được tổ chức thành nhóm trẻ ghép có không quá 20 trẻ em hoặc lớp mẫu giáo ghép có không quá 30 trẻ".

Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 14 Văn bản hợp nhất số 06/VBHN-BGDĐT ngày 18/6/2018: "Số trẻ em trong nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập tự thực không quá 70 (bảy mươi) trẻ" và khoản 2 Điều 15 Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020: Số lượng trẻ trong mỗi nhóm, lớp tối thiểu bằng 50% so với số trẻ tối đa.

Như vậy, quy mô của cơ sở giáo dục mầm non độc lập tối thiểu có 01 nhóm, lớp và tối đa có 05 nhóm, lớp².

3. Đề xuất của Ủy ban nhân dân Thành phố

3.1. Quy định chính sách hỗ trợ trang bị cơ sở vật chất đối với cơ sở giáo dục mầm non độc lập thuộc loại hình dân lập, tự thực ở địa bàn có KCN của thành phố Hà Nội như sau:

² Theo Điều lệ trường mầm non, số lượng trẻ được tổ chức theo 06 nhóm, lớp và theo từng độ tuổi cụ thể: Nhóm từ 03 đến 12 tháng tuổi: số trẻ quy định tối thiểu/nhóm là 08 trẻ; Nhóm từ 13 đến 24 tháng tuổi: số trẻ quy định tối thiểu/nhóm là 10 trẻ; Nhóm từ 25 đến 36 tháng tuổi: số trẻ quy định tối thiểu/nhóm là 13 trẻ; Lớp mẫu giáo 3-4 tuổi: số trẻ quy định tối thiểu/lớp là 13 trẻ; Lớp mẫu giáo 4-5 tuổi: số trẻ quy định tối thiểu/lớp là 15 trẻ; Lớp mẫu giáo 5-6 tuổi: số trẻ quy định tối thiểu/lớp là 18 trẻ. Tuy nhiên, theo quy định về Quy chế tổ chức và hoạt động trường mầm non tự thực: số trẻ trong nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập tự thực không quá 70 trẻ. Như vậy, cơ sở giáo dục mầm non độc lập sẽ có tối thiểu là 01 nhóm, lớp và tối đa là 05 nhóm, lớp.

a) Đối tượng hỗ trợ: Cơ sở giáo dục mầm non độc lập ở địa bàn có khu công nghiệp thuộc loại hình dân lập, tư thục đã được cấp có thẩm quyền cấp phép thành lập theo đúng quy định có từ 30% trẻ em là con công nhân, người lao động làm việc tại các khu công nghiệp.

b) Mức hỗ trợ

- Nguyên tắc xây dựng mức hỗ trợ

+ Mức hỗ trợ không thấp hơn mức hỗ trợ tối thiểu quy định tại Nghị định số 105/2020/NĐ-CP;

+ Mức hỗ trợ đảm bảo để các cơ sở giáo dục trang bị bổ sung đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học theo danh mục quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo còn thiếu do hư hỏng, tiêu hao và hỗ trợ kinh phí sửa chữa cơ sở vật chất để phục vụ trực tiếp cho việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ em; được xây dựng trên cơ sở quy mô nhóm, lớp của các cơ sở giáo dục và số liệu khảo sát, nhu cầu đề xuất hỗ trợ của cơ sở giáo dục³;

+ Tổng kinh phí hỗ trợ trong khả năng cân đối ngân sách của các quận, huyện, thị xã.

- Đề xuất mức hỗ trợ cụ thể

Trên cơ sở các nguyên tắc nêu trên, Ủy ban nhân dân Thành phố đề xuất:

Cơ sở giáo dục mầm non độc lập ở địa bàn có KCN thuộc loại hình dân lập, tư thục đã được cấp có thẩm quyền cấp phép thành lập theo đúng quy định có từ 30% trẻ em là con công nhân, người lao động làm việc tại KCN được hỗ trợ trang bị cơ sở vật chất 01 lần, bao gồm: trang bị đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học theo danh mục quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và hỗ trợ kinh phí sửa chữa cơ sở vật chất để phục vụ trực tiếp cho việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ em. Mức hỗ trợ đề xuất:

+ Đối với cơ sở giáo dục mầm non độc lập có quy mô dưới 03 nhóm, lớp: Hỗ trợ 20 triệu đồng/cơ sở giáo dục mầm non độc lập (bằng mức tối thiểu quy định tại Nghị định số 105/2020/NĐ-CP).

+ Đối với cơ sở giáo dục mầm non độc lập có quy mô từ 03 nhóm, lớp trở lên: Hỗ trợ 40 triệu đồng/cơ sở giáo dục mầm non độc lập (bằng 2 lần mức tối thiểu quy định tại Nghị định số 105/2020/NĐ-CP).

c) Thời gian thực hiện hỗ trợ: Từ năm học 2021-2022.

d) Nguồn kinh phí hỗ trợ: Ngân sách quận, huyện, thị xã đảm bảo theo phân cấp.

³ Mỗi cơ sở giáo dục có nhu cầu đề xuất hỗ trợ để trang bị bổ sung đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học theo danh mục quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo còn thiếu do hư hỏng, tiêu hao và hỗ trợ kinh phí sửa chữa cơ sở vật chất để phục vụ trực tiếp cho việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ em thấp nhất là 20 triệu đồng, cao nhất là 58 triệu đồng, trung bình khoảng 41 triệu đồng (gấp khoảng 2 lần mức tối thiểu quy định tại Nghị định số 105/2020/NĐ-CP).

3.2. Kế hoạch, phương án hỗ trợ, phương án kiểm tra việc hỗ trợ và sử dụng kinh phí

UBND Thành phố chỉ đạo các quận, huyện, thị xã xây dựng và triển khai kế hoạch, phương án hỗ trợ; phương án kiểm tra việc hỗ trợ và sử dụng kinh phí cụ thể:

a) Kế hoạch, phương án hỗ trợ

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao; Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã tổ chức rà soát, kiểm tra các cơ sở giáo dục mầm non độc lập trên địa bàn đủ điều kiện là đối tượng áp dụng nhưng chưa được hưởng chính sách hỗ trợ; phê duyệt kế hoạch hỗ trợ trang bị cơ sở vật chất đối với cơ sở giáo dục mầm non độc lập thuộc loại hình dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp (trong đó, chi tiết danh sách các cơ sở giáo dục đủ điều kiện hưởng chính sách); Đảm bảo hoàn thành chậm nhất trước ngày 31 tháng 10 hằng năm.

- Căn cứ kế hoạch hỗ trợ; Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã bố trí dự toán kinh phí hỗ trợ theo quy định, đảm bảo hoàn thành cùng thời điểm giao dự toán ngân sách hằng năm.

- Trên cơ sở quy định của chính sách và dự toán ngân sách bố trí thực hiện chính sách; Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã quyết định danh sách các cơ sở giáo dục đủ điều kiện hưởng chính sách và tổ chức thực hiện chính sách hỗ trợ, đảm bảo hoàn thành chậm nhất trước ngày 30 tháng 6 hằng năm.

b) Phương án kiểm tra việc hỗ trợ và sử dụng kinh phí hỗ trợ

- Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã có trách nhiệm chỉ đạo, kiểm tra việc sử dụng kinh phí để hỗ trợ cho các cơ sở giáo dục mầm non độc lập đảm bảo đúng đối tượng, đúng quy định; thực hiện thanh quyết toán theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định hiện hành.

- Trường hợp cơ sở giáo dục đã được hưởng chính sách hỗ trợ, khi chuyển đổi chủ cơ sở sẽ không được xem xét hỗ trợ lần hai.

- Các cơ sở giáo dục mầm non độc lập có trách nhiệm đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất, thiết bị, đồ dùng, đồ chơi theo quy định của Điều lệ trường mầm non và các quy định về thiết bị, đồ dùng, đồ chơi do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

4. Đánh giá tác động của chính sách đề xuất

- Chính sách được thông qua nhằm khuyến khích đầu tư phát triển giáo dục mầm non, ưu tiên phát triển giáo dục mầm non ở địa bàn có KCN, thể hiện sự quan tâm đầu tư của thành phố Hà Nội.

- Chính sách hỗ trợ giúp các cơ sở giáo dục mầm non độc lập ở địa bàn có KCN đảm bảo yêu cầu về cơ sở vật chất, hạn chế các nguy cơ mất an toàn cho trẻ. Người hưởng lợi chính là trẻ em mầm non, cha mẹ trẻ yên tâm lao động sản xuất, mang lại sản phẩm cho xã hội.

- Tổng kinh phí ngân sách dự kiến các quận, huyện, thị xã phải đảm bảo để thực hiện chính sách khoảng 4.660 triệu đồng.

(Chi tiết theo phụ biểu đính kèm)

IV. THỜI GIAN THỰC HIỆN: Từ năm học 2021-2022.

(Kèm theo dự thảo Nghị quyết của HĐND Thành phố)

Ủy ban nhân dân Thành phố kính trình Hội đồng nhân dân Thành phố xem xét, quyết định./. *ML*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đ/c Bí thư Thành ủy;
- Các Đ/c Phó Bí thư Thành ủy;
- Đ/c Bí thư BCSD - Chủ tịch UBND Thành phố;
- Các Đ/c thành viên BCSD UBND Thành phố;
- Các Ban: VHXX, KTNS - HĐND Thành phố;
- Các Sở: Giáo dục và Đào tạo, Tài chính, Tư pháp;
- VPUB: CVP, các Phó Chánh Văn phòng;
- Các phòng: KGVX, KT, NC, TKBT, TH;
- Lưu: VT, KGVX.

45

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN



Chu Ngọc Anh



BIỂU TỔNG HỢP SỐ LIỆU VỀ THỰC TRẠNG VÀ ĐỀ XUẤT KINH PHÍ HỖ TRỢ CHÍNH SÁCH TRANG BỊ CƠ SỞ VẬT CHẤT (CSV) ĐỐI VỚI CƠ SỞ GIÁO DỤC (CSGD) MẦM NON ĐỘC LẬP THUỘC LOẠI HÌNH DÂN LẬP, TƯ THỰC ĐÃ ĐƯỢC CẤP CÓ THẨM QUYỀN CẤP PHÉP HOẠT ĐỘNG THEO ĐÚNG QUY ĐỊNH CÓ TỪ 30% TRÊN LÀ CON CÔNG NHÂN (CN), NGƯỜI LAO ĐỘNG LÀM VIỆC TẠI CÁC KHU CÔNG NGHIỆP (KCN) NĂM 2021

(Kèm theo Tờ trình số 171 /TTr-UBND ngày 13 tháng 8 năm 2021)

TT	Tên cơ sở giáo dục	Số trẻ và quy mô nhóm, lớp tại thời điểm tháng 5/2021				Nhu cầu kinh phí sửa chữa CSV (triệu đồng)	Kinh phí mua sắm đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học quy định tại Thông tư số 01/VBHN-BGDĐT (triệu đồng)			Tổng nhu cầu kinh phí trang bị đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học theo danh mục quy định của Bộ GDĐT và sửa chữa CSV để phục vụ trực tiếp cho việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ em (triệu đồng)			Kinh phí hỗ trợ theo mức đề xuất (triệu đồng)
		Tổng số trẻ	Trong đó số trẻ là con CN làm việc tại KCN	Tỷ lệ trẻ là con CN làm việc tại KCN/ tổng số trẻ	Quy mô nhóm, lớp		Giá trị đồ chơi, thiết bị dạy học cần có theo quy định	Giá trị thiết bị hiện có theo quy định	Nhu cầu kinh phí để mua sắm bổ sung danh mục còn thiếu theo quy định	Tổng cộng	Chia ra		
											Kinh phí CSGD dự kiến	Kinh phí đề nghị hỗ trợ	
(A)	(B)	(1)	(2)	(3)=(2)/(1)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(6)-(7)	(9)	(10)	(11)	(12)
Tổng cộng		6.882	4.256		435	6.851	24.742	16.134	8.608	15.459	9.816	5.643	4.660
I	Huyện Đông Anh	2.284	1.559		147	2.040	8.402	5.636	2.766	4.806	3.095	1.711	1.560
1	Thôn Hậu	80	77	96%	5	50	287	172	115	165	120	45	40
2	An Tuệ	26	25	96%	2	71	107	65	42	113	71	42	20
3	Ánh Dương (ĐM)	37	35	95%	2	40	115	69	46	86	40	46	20
4	Bé Gấu	70	50	71%	4	50	222	146	76	126	84	42	40
5	Thái Dương	74	74	100%	4	70	234	155	79	149	106	43	40
6	Đồ Rê Mí	32	25	78%	3	10	171	106	65	75	35	40	40
7	Họa My	40	32	80%	2	20	107	66	41	61	20	41	20
8	Chuông Vàng	51	37	73%	4	38	234	159	75	113	79	34	40
9	Sơn Ca	18	15	83%	2	70	115	75	40	110	70	40	20
10	Sakura-Hoa Anh Đào (VL)	58	58	100%	4	15	234	214	20	35	15	20	40
11	Thỏ Bông	52	41	79%	4	120	224	164	60	180	140	40	40
12	Trăng Non	56	52	93%	4	20	232	194	38	58	20	38	40
13	Tuổi Thơ	40	40	100%	3	15	170	102	68	83	39	44	40
14	Anh Việt	45	41	91%	4	150	222	133	89	239	195	44	40
15	Subi	40	27	68%	3	30	170	102	68	98	54	44	40
16	Hoa Thủy Tiên	61	47	77%	3	30	170	105	65	95	53	42	40
17	Voi Con	70	54	77%	4	10	222	132	90	100	57	43	40
18	Hoa Anh Đào (ĐM)	56	48	86%	3	40	170	110	60	100	57	43	40

TT	Tên cơ sở giáo dục	Số trẻ và quy mô nhóm, lớp tại thời điểm tháng 5/2021				Nhu cầu kinh phí sửa chữa CSVC (triệu đồng)	Kinh phí mua sắm đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học quy định tại Thông tư số 01/VBHN-BGDDT (triệu đồng)			Tổng nhu cầu kinh phí trang bị đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học theo danh mục quy định của Bộ GDĐT và sửa chữa CSVC để phục vụ trực tiếp cho việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ em (triệu đồng)			Kinh phí hỗ trợ theo mức đề xuất (triệu đồng)
		Tổng số trẻ	Trong đó số trẻ là con CN làm việc tại KCN	Tỷ lệ trẻ là con CN làm việc tại KCN/ tổng số trẻ	Quy mô nhóm, lớp		Giá trị đồ chơi, thiết bị dạy học cần có theo quy định	Giá trị thiết bị hiện có theo quy định	Nhu cầu kinh phí để mua sắm bổ sung danh mục còn thiếu theo quy định	Tổng cộng	Chia ra		
											Kinh phí CSGD dự kiến	Kinh phí đề nghị hỗ trợ	
(A)	(B)	(1)	(2)	(3)=(2)/(1)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(6)-(7)	(9)	(10)	(11)	(12)
19	Sơn Hà Baby Garden	33	24	73%	3	134	171	102	69	203	160	43	40
20	Ngôi Sao Nhỏ	50	32	64%	3	35	170	106	64	99	56	43	40
21	Tâm Anh	79	33	42%	4	20	234	214	20	40	20	20	40
22	Măng Non	29	25	86%	2	20	107	87	20	40	20	20	20
23	Chim Non	46	26	57%	3	30	170	101	69	99	54	45	40
24	Phương Mai	75	65	87%	5	20	341	253	88	108	68	40	40
25	Lâm Hoa	50	34	68%	4	51	234	196	38	89	51	38	40
26	Hướng Dương (HB)	80	79	99%	5	25	287	219	68	93	49	44	40
27	Hồng Ngọc	75	50	67%	5	50	287	177	110	160	115	45	40
28	Tuổi Hồng	48	28	58%	3	50	170	110	60	110	65	45	40
29	Baby Home	70	31	44%	4	75	234	140	94	169	125	44	40
30	Ánh Dương (KN)	37	24	65%	3	35	170	149	21	56	35	21	40
31	Vàng Trắng Tuổi Thơ	72	29	40%	4	40	222	140	82	122	75	47	40
32	Ban Mai Xanh (HB)	85	45	53%	5	50	287	171	116	166	120	46	40
33	Kid's Smile (KN)	61	48	79%	3	51	159	118	41	92	51	41	40
34	Mầm Xanh (KN)	26	9	35%	1	50	55	35	20	70	50	20	20
35	Thiên Thần Nhỏ (NH)	19	16	84%	1	10	52	32	20	30	10	20	20
36	Ban Mai (HB)	48	23	48%	4	70	234	142	92	162	117	45	40
37	Thò MOMO	68	22	32%	5	50	287	174	113	163	117	46	40
38	Hoa Anh Đào (BH)	65	39	60%	4	14	234	146	88	102	57	45	40
39	Việt - Anh	40	20	50%	3	20	159	97	62	82	38	44	40
40	Bông Hồng	75	23	31%	4	20	234	141	93	113	69	44	40
41	Đức Hạnh	65	27	42%	4	150	224	134	90	240	197	43	40
42	Ban Mai Xanh (TD)	46	18	39%	2	21	115	73	42	63	21	42	20
43	Golden Moon	36	11	31%	3	100	159	110	49	149	100	49	40

TT	Tên cơ sở giáo dục	Số trẻ và quy mô nhóm, lớp tại thời điểm tháng 5/2021				Nhu cầu kinh phí sửa chữa CSVC (triệu đồng)	Kinh phí mua sắm đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học quy định tại Thông tư số 01/VBHN-BGDĐT (triệu đồng)			Tổng nhu cầu kinh phí trang bị đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học theo danh mục quy định của Bộ GDĐT và sửa chữa CSVC để phục vụ trực tiếp cho việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ em (triệu đồng)			Kinh phí hỗ trợ theo mức đề xuất (triệu đồng)
		Tổng số trẻ	Trong đó số trẻ là con CN làm việc tại KCN	Tỷ lệ trẻ là con CN làm việc tại KCN/ tổng số trẻ	Quy mô nhóm, lớp		Giá trị đồ chơi, thiết bị dạy học cần có theo quy định	Giá trị thiết bị hiện có theo quy định	Nhu cầu kinh phí để mua sắm bổ sung danh mục còn thiếu theo quy định	Tổng cộng	Chia ra		
											Kinh phí CSGD dự kiến	Kinh phí đề nghị hỗ trợ	
(A)	(B)	(1)	(2)	(3)=(2)/(1)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(6)-(7)	(9)	(10)	(11)	(12)
II	Huyện Mê Linh	1.799	1.210		105	1.822	6.106	3.957	2.149	3.971	2.702	1.269	1.100
1	Sơn Ca VK	52	32	62%	4	100	234	143	91	191	145	46	40
2	Bé Yêu	75	33	44%	4	120	224	137	87	207	165	42	40
3	Hoạ Mi A	77	60	78%	4	65	234	148	86	151	110	41	40
4	Hoạ Mi B	75	63	84%	4	60	234	146	88	148	105	43	40
5	Hoa Mi	75	65	87%	4	70	234	154	80	150	110	40	40
6	Bon Bon	46	46	100%	3	40	170	114	56	96	40	56	40
7	Đồ Rê Mí QM	26	22	85%	2	50	117	74	43	93	50	43	20
8	Hạt Đậu Nhỏ	75	29	39%	4	50	234	144	90	140	95	45	40
9	Hoa Hướng Dương	70	70	100%	3	50	170	112	58	108	50	58	40
10	Hoa Mặt Trời	59	25	42%	4	70	234	141	93	163	115	48	40
11	Hoa Sữa (Kim Hoa)	61	32	52%	4	60	224	139	85	145	100	45	40
12	Hoa Sữa QM	61	54	89%	4	50	234	160	74	124	85	39	40
13	Hương Mơ	74	43	58%	4	65	234	153	81	146	105	41	40
14	Gấu MíSa	53	53	100%	3	50	171	108	63	113	70	43	40
15	Miền Đất Trẻ thơ	38	36	95%	3	32	180	118	62	94	52	42	40
16	Sao Mai	72	59	82%	4	100	234	155	79	179	130	49	40
17	Sao Mai (CS2)	69	56	81%	4	100	234	149	85	185	140	45	40
18	Sao Mai VK	75	51	68%	4	50	234	163	71	121	80	41	40
19	Sơn Ca	60	44	73%	4	30	234	153	81	111	70	41	40
20	Thiên Đường Tuổi Thơ	65	25	38%	4	150	234	152	82	232	190	42	40
21	Trẻ Em Việt	20	18	90%	2	50	115	78	37	87	50	37	20
22	Vàng Trắng Tuổi Thơ	75	46	61%	4	50	234	161	73	123	80	43	40
23	Việt Anh	73	29	40%	4	70	234	158	76	146	100	46	40
24	Việt Úc	56	44	79%	4	50	222	142	80	130	90	40	40

TT	Tên cơ sở giáo dục	Số trẻ và quy mô nhóm, lớp tại thời điểm tháng 5/2021				Nhu cầu kinh phí sửa chữa CSVC (triệu đồng)	Kinh phí mua sắm đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học quy định tại Thông tư số 01/VBHN-BGDĐT (triệu đồng)			Tổng nhu cầu kinh phí trang bị đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học theo danh mục quy định của Bộ GDĐT và sửa chữa CSVC để phục vụ trực tiếp cho việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ em (triệu đồng)			Kinh phí hỗ trợ theo mức đề xuất (triệu đồng)
		Tổng số trẻ	Trong đó số trẻ là con CN làm việc tại KCN	Tỷ lệ trẻ là con CN làm việc tại KCN/ tổng số trẻ	Quy mô nhóm, lớp		Giá trị đồ chơi, thiết bị dạy học cần có theo quy định	Giá trị thiết bị hiện có theo quy định	Nhu cầu kinh phí để mua sắm bổ sung danh mục còn thiếu theo quy định	Tổng cộng	Chia ra		
											Kinh phí CSGD dự kiến	Kinh phí đề nghị hỗ trợ	
(A)	(B)	(1)	(2)	(3)=(2)/(1)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(6)-(7)	(9)	(10)	(11)	(12)
25	Thế Giới Trẻ Thơ	75	40	53%	4	40	234	153	81	121	80	41	40
26	Hoa Mĩ	75	40	53%	4	40	234	156	78	118	75	43	40
27	Ánh Dương	22	7	32%	2	30	119	78	41	71	30	41	20
28	Đồ Rê Mĩ	70	33	47%	4	80	234	150	84	164	120	44	40
29	Hoa Phượng Đỏ	75	55	73%	3	50	182	118	64	114	70	44	40
III	Quận Bắc Từ Liêm	39	16		3	120	170	104	66	186	140	46	40
1	Ngôi Sao	39	16	41%	3	120	170	104	66	186	140	46	40
IV	Sóc Sơn	2.098	1.088		140	2.371	7.910	5.105	2.805	5.176	3.331	1.845	1.560
1	VietMoon	45	18	40%	3	50	170	103	67	117	70	47	40
2	MINI	42	15	36%	3	30	170	108	62	92	50	42	40
3	Hoa sữa	28	13	46%	3	30	170	102	68	98	53	45	40
4	MICKEY	65	25	38%	4	100	234	147	87	187	141	46	40
5	HOA MẶT TRỜI	56	42	75%	3	20	182	110	72	92	48	44	40
6	Hikids	25	17	68%	2	50	110	90	20	70	50	20	20
7	Tuổi Thân Tiên	70	49	70%	4	0	234	142	92	92	49	43	40
8	Funny Kids	38	14	37%	3	20	170	108	62	82	40	42	40
9	Ánh Dương	23	18	78%	2	0	107	69	38	38	0	38	20
10	Minh Ngọc	44	23	52%	3	75	182	110	72	147	102	45	40
11	Hoa Hồng	70	41	59%	4	140	234	147	87	227	186	41	40
12	Gia Bảo	30	20	67%	2	70	107	74	33	103	70	33	20
13	Tuổi Thân Tiên 1	50	35	70%	3	30	168	100	68	98	56	42	40
14	Tuổi Thân Tiên 2	42	23	55%	3	20	170	104	66	86	46	40	40
15	Mickey	30	10	33%	2	140	107	66	41	181	140	41	20
16	Đức Trí	65	40	62%	5	0	283	176	107	107	65	42	40
17	Bình Minh	53	21	40%	4	100	234	167	67	167	123	44	40

TT	Tên cơ sở giáo dục	Số trẻ và quy mô nhóm, lớp tại thời điểm tháng 5/2021				Nhu cầu kinh phí sửa chữa CSVC (triệu đồng)	Kinh phí mua sắm đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học quy định tại Thông tư số 01/VBHN-BGDĐT (triệu đồng)			Tổng nhu cầu kinh phí trang bị đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học theo danh mục quy định của Bộ GDĐT và sửa chữa CSVC để phục vụ trực tiếp cho việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ em (triệu đồng)			Kinh phí hỗ trợ theo mức đề xuất (triệu đồng)
		Tổng số trẻ	Trong đó số trẻ là con CN làm việc tại KCN	Tỷ lệ trẻ là con CN làm việc tại KCN/ tổng số trẻ	Quy mô nhóm, lớp		Giá trị đồ chơi, thiết bị dạy học cần có theo quy định	Giá trị thiết bị hiện có theo quy định	Nhu cầu kinh phí để mua sắm bổ sung danh mục còn thiếu theo quy định	Tổng cộng	Chia ra		
											Kính phí CSGD dự kiến	Kính phí đề nghị hỗ trợ	
(A)	(B)	(1)	(2)	(3)=(2)/(1)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(6)-(7)	(9)	(10)	(11)	(12)
18	Tuổi thơ	39	33	85%	3	30	117	70	47	77	30	47	40
19	Bìn Bo	22	14	64%	2	20	107	64	43	63	20	43	20
20	Sóc Nhỏ	26	12	46%	2	20	107	64	43	63	20	43	20
21	Hoa Hướng Dương	30	10	33%	2	20	107	85	22	42	20	22	20
22	Mínhoues 1	50	25	50%	4	50	222	157	65	115	67	48	40
23	Nemokis 1	48	18	38%	4	30	222	155	67	97	52	45	40
24	Nemokis 2	70	23	33%	5	40	283	173	110	150	110	40	40
25	Tân Phú	30	10	33%	2	40	107	83	24	64	40	24	20
26	Hoa anh đào	61	36	59%	4	117	222	137	85	202	156	46	40
27	Hoa Anh Đào 2	59	37	63%	3	169	182	108	74	243	197	46	40
28	Sao Mai	40	30	75%	3	30	168	105	63	93	52	41	40
29	Xanh Tuệ Thảo	34	14	41%	4	15	234	142	92	107	61	46	40
30	Hoa Hướng Dương	50	19	38%	3	35	182	117	65	100	53	47	40
31	Ngôi Sao Nhỏ	69	22	32%	4	30	236	172	64	94	54	40	40
32	Hoa Sen	35	28	80%	1	30	55	35	20	50	30	20	20
33	Happy House	30	13	43%	2	75	107	67	40	115	75	40	20
34	VietMoon	15	10	67%	1	30	53	33	20	50	30	20	20
35	Chích Bông	22	8	36%	1	30	52	32	20	50	30	20	20
36	Hoa Sen	70	63	90%	4	50	234	146	88	138	92	46	40
37	Tomokids	47	33	70%	4	200	234	140	94	294	246	48	40
38	Happy house	45	15	33%	3	30	170	102	68	98	57	41	40
39	Vườn trẻ thơ	35	14	40%	2	20	105	67	38	58	20	38	20
40	Hoa hồng nhỏ	25	15	60%	2	50	107	73	34	84	50	34	20
41	ANH NHẬT	70	29	41%	4	45	234	164	70	115	70	45	40
42	Đồ Rê Mí montesori	70	36	51%	5	80	287	179	108	188	145	43	40

TT	Tên cơ sở giáo dục	Số trẻ và quy mô nhóm, lớp tại thời điểm tháng 5/2021				Nhu cầu kinh phí sửa chữa CSVC (triệu đồng)	Kinh phí mua sắm đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học quy định tại Thông tư số 01/VBHN-BGDĐT (triệu đồng)			Tổng nhu cầu kinh phí trang bị đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học theo danh mục quy định của Bộ GDĐT và sửa chữa CSVC để phục vụ trực tiếp cho việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ em (triệu đồng)			Kinh phí hỗ trợ theo mức đề xuất (triệu đồng)
		Tổng số trẻ	Trong đó số trẻ là con CN làm việc tại KCN	Tỷ lệ trẻ là con CN làm việc tại KCN/ tổng số trẻ	Quy mô nhóm, lớp		Giá trị đồ chơi, thiết bị dạy học cần có theo quy định	Giá trị thiết bị hiện có theo quy định	Nhu cầu kinh phí để mua sắm bổ sung danh mục còn thiếu theo quy định	Tổng cộng	Chia ra		
											Kinh phí CSGD dự kiến	Kinh phí đề nghị hỗ trợ	
(A)	(B)	(1)	(2)	(3)=(2)/(1)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(6)-(7)	(9)	(10)	(11)	(12)
43	Happykids	55	25	45%	3	70	170	108	62	132	87	45	40
44	Việt Pháp	70	31	44%	4	80	234	192	42	122	80	42	40
45	Sơn Ca	45	16	36%	3	30	170	105	65	95	51	44	40
46	Ngôi Sao	60	25	42%	3	30	170	107	63	93	47	46	40
V	Chương Mỹ	662	383		40	498	2.154	1.332	822	1.320	548	772	400
1	Sao Mai	42	20	48%	2	35	107	65	42	77	35	42	20
2	Hoa Mai	75	58	77%	4	30	234	141	93	123	80	43	40
3	Đồ Rê Mí	30	18	60%	2	29	107	65	42	71	29	42	20
4	Hoa Hướng Dương	45	30	67%	2	30	107	71	36	66	30	36	20
5	Sắc Màu	30	18	60%	2		107	66	41	41	0	41	20
6	Hoa Hồng	24	18	75%	2	80	107	70	37	117	80	37	20
7	Đồ Rê Mí	20	8	40%	2	25	107	65	42	67	25	42	20
8	Anh Thuận	20	13	65%	2	15	107	65	42	57	15	42	20
9	Búp Sen Vàng	40	25	63%	2	20	107	65	42	62	20	42	20
10	Hoa Mai	32	20	63%	2	20	107	67	40	60	20	40	20
11	Ngôi Sao Nhí	25	25	100%	2	20	105	67	38	58	20	38	20
12	Sơn Ca	30	15	50%	2	22	107	65	42	64	22	42	20
13	Thần Đồng	35	25	71%	2	20	107	65	42	62	20	42	20
14	Tuổi Thần Tiên	30	15	50%	2	22	107	67	40	62	22	40	20
15	Vườn Trê Thơ	27	16	59%	2	20	105	66	39	59	20	39	20
16	Nguyệt Ánh	40	15	38%	2	20	107	66	41	61	20	41	20
17	Sao mai	31	11	35%	2	30	105	63	42	72	30	42	20
18	Nguồn Sáng	46	17	37%	2	30	107	65	42	72	30	42	20
19	1-2-3	40	16	40%	2	30	107	68	39	69	30	39	20

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /2021/NQ-HĐND
Dự thảo

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

NGHỊ QUYẾT

**Quy định chính sách hỗ trợ trang bị cơ sở vật chất đối với cơ sở giáo dục
mầm non độc lập thuộc loại hình dân lập, tư thục ở địa bàn
có khu công nghiệp của thành phố Hà Nội**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

KHÓA ... KỲ HỌP THỨ ...

(Từ ngày .../.../2021 đến ngày .../.../2021)

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm
pháp luật năm 2015 ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính
phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 84/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2020 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục;*

*Căn cứ Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 9 năm 2020 của
Chính phủ quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non;*

*Xét Tờ trình số .../TTr-UBND ngày ... tháng ... năm 2021 của UBND Thành
phố về việc quy định chính sách hỗ trợ trang bị cơ sở vật chất đối với cơ sở giáo
dục mầm non độc lập thuộc loại hình dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công
nghiệp của thành phố Hà Nội; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội Hội
đồng nhân dân Thành phố; văn bản số .../UBND-KGVX ngày ... tháng ... năm
2021 của UBND Thành phố tiếp thu ý kiến thẩm tra và kết quả biểu quyết của
đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định chính sách hỗ trợ trang bị cơ sở vật chất đối với cơ sở
giáo dục mầm non độc lập thuộc loại hình dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công
nghiệp của thành phố Hà Nội như sau:

1. Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ trang bị cơ sở vật chất 01 lần, bao gồm: trang bị đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học theo danh mục quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và hỗ trợ kinh phí sửa chữa cơ sở vật chất để phục vụ trực tiếp cho việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ em.

2. Mức hỗ trợ:

a) Đối với cơ sở giáo dục mầm non độc lập có quy mô dưới 03 nhóm, lớp: Hỗ trợ 20 triệu đồng/cơ sở giáo dục mầm non độc lập.

b) Đối với cơ sở giáo dục mầm non độc lập có quy mô từ 03 nhóm, lớp trở lên: Hỗ trợ 40 triệu đồng/cơ sở giáo dục mầm non độc lập.

3. Đối tượng hỗ trợ: Cơ sở giáo dục mầm non độc lập ở địa bàn có khu công nghiệp thuộc loại hình dân lập, tư thục đã được cấp có thẩm quyền cấp phép thành lập theo đúng quy định có từ 30% trẻ em là con công nhân, người lao động làm việc tại các khu công nghiệp.

4. Thời gian thực hiện hỗ trợ: Từ năm học 2021-2022.

5. Nguồn kinh phí hỗ trợ: Ngân sách quận, huyện, thị xã đảm bảo theo phân cấp.

Điều 2. Phê duyệt kế hoạch, phương án hỗ trợ, phương án kiểm tra việc hỗ trợ và sử dụng kinh phí hỗ trợ như sau:

a) Kế hoạch, phương án hỗ trợ

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao; Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã tổ chức rà soát, kiểm tra các cơ sở giáo dục mầm non độc lập trên địa bàn đủ điều kiện là đối tượng áp dụng nhưng chưa được hưởng chính sách hỗ trợ; phê duyệt kế hoạch hỗ trợ trang bị cơ sở vật chất đối với cơ sở giáo dục mầm non độc lập thuộc loại hình dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp (trong đó, chi tiết danh sách các cơ sở giáo dục đủ điều kiện hưởng chính sách); Đảm bảo hoàn thành chậm nhất trước ngày 31 tháng 10 hằng năm.

Căn cứ kế hoạch hỗ trợ; Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã bố trí dự toán kinh phí hỗ trợ theo quy định, đảm bảo hoàn thành cùng thời điểm giao dự toán ngân sách hằng năm.

Trên cơ sở quy định của chính sách và dự toán ngân sách bố trí thực hiện chính sách; Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã quyết định danh sách các cơ sở giáo dục đủ điều kiện hưởng chính sách và tổ chức thực hiện chính sách hỗ trợ, đảm bảo hoàn thành chậm nhất trước ngày 30 tháng 6 hằng năm.

b) Phương án kiểm tra việc hỗ trợ và sử dụng kinh phí hỗ trợ

Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã có trách nhiệm chỉ đạo, kiểm tra việc sử dụng kinh phí để hỗ trợ cho các cơ sở giáo dục mầm non độc lập đảm bảo đúng đối tượng, đúng quy định; thực hiện thanh quyết toán theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định hiện hành.

Trường hợp cơ sở giáo dục đã được hưởng chính sách hỗ trợ, khi chuyển đổi chủ cơ sở sẽ không được xem xét hỗ trợ lần hai.

Các cơ sở giáo dục mầm non độc lập có trách nhiệm đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất, thiết bị, đồ dùng, đồ chơi theo quy định của Điều lệ trường mầm non và các quy định về thiết bị, đồ dùng, đồ chơi do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố

Tổ chức thực hiện Nghị quyết, chỉ đạo các cơ quan liên quan hướng dẫn thực hiện kế hoạch, phương án hỗ trợ, phương án kiểm tra việc hỗ trợ và sử dụng kinh phí để hỗ trợ cho các cơ sở giáo dục mầm non độc lập; chỉ đạo làm tốt công tác tuyên truyền Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố về chính sách hỗ trợ tới các tầng lớp nhân dân, các cơ quan, tổ chức trên địa bàn đồng thuận, thống nhất trong tổ chức thực hiện.

Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra đảm bảo việc thực hiện chính sách công khai, minh bạch, đúng quy định.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố, các Ban Hội đồng nhân dân Thành phố, các Tổ đại biểu và các đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát việc tổ chức thực hiện Nghị quyết.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hà Nội và các tổ chức chính trị - xã hội phối hợp tuyên truyền và giám sát việc tổ chức thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội khoá ..., kỳ họp thứ ... thông qua ngày ... tháng ... năm 2021, có hiệu lực thi hành từ ngày ... tháng ... năm 2021./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ban công tác ĐB của UBTWQH;
- Văn phòng Quốc hội; Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Giáo dục và Đào tạo, Tài chính, Tư pháp;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực: HĐND, UBND, UBMTTQ Thành phố;
- Đoàn đại biểu Quốc hội Hà Nội;
- Đại biểu HĐND Thành phố;
- VP Thành ủy, các Ban Đảng Thành ủy;
- Các Ban HĐND Thành phố;
- VP HĐND, VP UBND Thành phố;
- Các sở, ban, ngành Thành phố;
- Công báo Thành phố, Cổng GTĐT Thành phố;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Ngọc Tuấn